TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 01 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng
Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 613/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thùy D, sinh năm 1998; CCCD số 096198002943 cấp ngày 19/10/2023; Cư trú tại: Ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Chí B, sinh năm 1995; CMND số 381807826 cấp ngày 16/7/2019; Cư trú tại: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2025, nguyên đơn chị Trần Thùy D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thùy D và anh Trần Chí B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp. Vợ chồng không còn chung sống, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Chị D không còn tình cảm với anh B nên xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Chí B: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh B không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B về các nội dung khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Chí B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thùy D và anh Trần Chí B xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau) nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị D xác định, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp. Vợ chồng không còn chung sống, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Chị D không còn tình cảm với anh B nên xin ly hôn với anh B.

Về phía anh B, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh B không có mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu về hôn nhân của chị D, điều này cho thấy anh B không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị D.

Do chị D và anh B không còn sống chung; vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị D và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D và anh B ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh B về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh B về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh B về nợ chung

nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thùy D.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thùy D và anh Trần Chí B.
- Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thùy D phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 21/10/2025 chị D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002754 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thùy D và bị đơn anh Trần Chí B có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- Đương sự;
- UBND xã Đá Bạc, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà